

**Mẫu I.3.5**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN HỢP TÁC VỚI NƯỚC NGOÀI  
TRONG LĨNH VỰC DẦU KHÍ NĂM .....**

*Điểm a khoản 2 Điều 47 Luật Đầu tư và khoản 3 Điều 94 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP*

*(Thời hạn báo cáo: trước ngày 31 tháng 3 năm sau năm báo cáo)*

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**

**Nơi nhận:** Bộ Tài chính (Cục Đầu tư nước ngoài)

| TT       | Chỉ tiêu                             | Đơn vị tính | Số liệu thực hiện năm trước | Số liệu thực hiện năm báo cáo | So cùng kỳ (%) |
|----------|--------------------------------------|-------------|-----------------------------|-------------------------------|----------------|
| <i>1</i> | <i>2</i>                             | <i>3</i>    | <i>4</i>                    | <i>5</i>                      | <i>6=5/4</i>   |
| <b>I</b> | <b>Các dự án đầu tư tại Việt Nam</b> |             |                             |                               |                |
| 1.1      | Số dự án mới                         | Dự án       |                             |                               |                |
| 1.2      | Vốn đầu tư đăng ký mới               | Triệu USD   |                             |                               |                |
| 1.3      | Số lượt dự án điều chỉnh             | Lượt dự án  |                             |                               |                |
| 1.4      | Vốn đầu tư điều chỉnh                | Triệu USD   |                             |                               |                |
| 1.5      | Vốn thực hiện                        | Triệu USD   |                             |                               |                |
|          | <i>Trong đó, từ bên nước ngoài</i>   | Triệu USD   |                             |                               |                |
| 1.6      | Doanh thu                            | Triệu USD   |                             |                               |                |
| 1.7      | Xuất khẩu                            | Triệu USD   |                             |                               |                |
| 1.8      | Nhập khẩu                            | Triệu USD   |                             |                               |                |
| 1.9      | Lao động                             | Người       |                             |                               |                |

|           |                                       |               |  |  |  |
|-----------|---------------------------------------|---------------|--|--|--|
| 1.1<br>0  | Nộp ngân sách                         | Triệu<br>USD  |  |  |  |
| <b>II</b> | <b>Các dự án đầu tư ra nước ngoài</b> |               |  |  |  |
| 2.1       | Số dự án mới                          | Dự án         |  |  |  |
| 2.2       | Vốn đầu tư đăng ký mới                | Triệu<br>USD  |  |  |  |
| 2.3       | Số lượt dự án điều chỉnh              | Lượt dự<br>án |  |  |  |
| 2.4       | Vốn đầu tư điều chỉnh                 | Triệu<br>USD  |  |  |  |
| 2.5       | Vốn thực hiện                         | Triệu<br>USD  |  |  |  |
|           | <i>Trong đó, từ bên nước ngoài</i>    | Triệu<br>USD  |  |  |  |
| 2.6       | Doanh thu                             | Triệu<br>USD  |  |  |  |
| 2.7       | Xuất khẩu                             | Triệu<br>USD  |  |  |  |
| 2.8       | Nhập khẩu                             | Triệu<br>USD  |  |  |  |
| 2.9       | Lao động                              | Người         |  |  |  |
| 2.1<br>0  | Nộp ngân sách                         | Triệu<br>USD  |  |  |  |

....., ngày .... tháng .... năm .....

**Tập đoàn Dầu khí Việt Nam**

(người đại diện theo pháp luật của tổ  
chức kinh tế, ghi rõ họ tên, chức danh  
và đóng dấu)